

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...28 tháng ...1... năm ...2026

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ dược phẩm(DHA0222033) Lớp: MK77

Học kỳ: 1 Năm học: 2025 - 2026

Ngày công bố điểm thi:

07-01-26

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Phạm Hà Khánh Linh	2101377	M1K77	101	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
2	Dương Đức Anh	2201027	M1K77	108	5.8	Năm phẩy Tám	5.8	Năm phẩy Tám	
3	Trương Khánh Chi	2201142	M1K77	129	8	Tám điểm	8	Tám điểm	
4	Nguyễn Thị Giang	2201229	M1K77	148	7.3	Bảy phẩy Ba	7.3	Bảy phẩy Ba	
5	Nguyễn Thị Hà	2201248	M1K77	156	6.5	Sáu phẩy Năm	6.5	Sáu phẩy Năm	
6	Trương Minh Hoàng	2201338	M1K77	171	8	Tám điểm	8	Tám điểm	
7	Nguyễn Hải Lâm	2201418	M1K77	189	5.8	Năm phẩy Tám	5.8	Năm phẩy Tám	
8	Trần Thị Thùy Mai	2201521	M1K77	204	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
9	Đinh Viết Minh	2201530	M1K77	208	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
10	Chế Đình Quang	2201677	M1K77	237	4.8	Bốn phẩy Tám	4.8	Bốn phẩy Tám	
11	Vũ Tiến Thịnh	2201761	M1K77	249	8	Tám điểm	8	Tám điểm	
12	Hoàng Quốc Tiến	2201789	M1K77	256	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
13	Trần Hà Trang	2201824	M1K77	261	5.5	Năm phẩy Năm	5.5	Năm phẩy Năm	

GIÁO VỤ KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đào Nguyệt Giang Huyền

TRƯỞNG KHOA

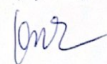
(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Mỹ Huệ

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Kiều Thị Hồng